TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2021/QĐST-KDTM	*T, ngày 19 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020

XÉT THẤY:

Về quan hệ pháp luật: Tòa án nhân dân quận T đã thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận thấy: Anh Nguyễn Hồng T được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 01B8008563, đăng ký lần đầu ngày 01/9/2011. Ngày 14/5/2014, Anh Nguyễn Hồng T và chị Vũ Thị Hạnh L cùng Ngân hàng TMCP K ký kết Hợp đồng tín dụng số 3486/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB –HTY, mục đích vay vốn: Hộ kinh doanh vay món. Vì vậy, Tòa án xác định đây là tranh chấp vụ án kinh doanh thương mại phát sinh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP K

Trụ sở: Số 191 Bà Triệu, phường L, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N, Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ.(Theo Quyết định ủy quyền số: 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017).

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Đình C - Cán bộ xử lý nợ.(Theo Giấy ủy quyền số: 902/2019/UQ-TCB ngày 06/9/2019).

2. Bị đơn: Hộ kinh doanh, Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01B8008563.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1976.

CCCD số: 001076028394,Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/01/2021.

ĐKHK: Số 3 ngõ 497 Â, phường N, quận T, Thành phố H

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vũ Thị Hạnh L, sinh năm 1981

CMND số: 001181001463, Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 15/4/2014.

ĐKHK: Số 3 ngõ 497 Â, phường N, quận T, Thành phố H

- Bà Vũ Thị T (tên gọi khác: T), sinh năm 1946.

ĐKHK: Tổ 6, cụm 1, phường N, quận T, Thành phố H

- Cháu Nguyễn Vũ Ngọc Đ, sinh ngày 04/3/2003.

- Cháu Nguyễn Đức V, sinh ngày 08/02/2005.

(Cháu Đ, cháu V là con đẻ của anh T, chị L và do anh chị là người đại diện)

Cháu Đ, cháu V cùng ĐKHK: Số 3 ngõ 497 Â, phường N, quận T, Thành phố H

Bà T, cháu Đ, cháu V hiện cùng trú tại: Số 41 ngõ 101 Liên Mạc, phường L, quận B, Thành phố H.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ngày 14/5/2014, hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diện cùng Ngân hàng T đã ký Hợp đồng tín dụng số 3486/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB –HTY, nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: **1.000.000.000 đồng***(Một tỷ đồng chẵn).* Theo đó, ngày 16/5/2014, Ngân hàng Techcombank đã giải ngân cho Anh Nguyễn Hồng T và chị Vũ Thị Hạnh L số tiền **1.000.000.000 đồng**theo Khế ước nhận nợ số 3486**.**Mục đích vay vốn: Hộ kinh doanh vay món;

- Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 16/5/2014 cho đến ngày 16/6/2014 là 10,99%/năm; Thời gian tiếp theo, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở dài hạn cộng (+) biên độ 4,86%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng với thời điểm điều chỉnh lãi suất; Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 29/01/2030.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay của hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diệnt ại Ngân hàng T là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 128(1), tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ: Thôn Y, xã L, huyện T, TP. H (nay là phường L, quận B), TP. H; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 217849, do UBND huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội cấp ngày 05/9/2008 cho bà Vũ Thị T; Đăng ký sang tên ngày 13/8/2012 cho chị Vũ Thị Hạnh L.

2. Quá trình thực hiện hợp đồng: Tính đến ngày 05/02/2021, hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diện còn nợ Ngân hàng T số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc: 941.584.855 đồng, nợ lãi trong hạn là 399.227.596 đồng, nợ lãi quá hạn là 554.140.006 đồng. Tổng số nợ là: 1.894.952.457 đồng **(Một tỷ, tám trăm chín mươi tư triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng).**

3. Phương án thanh toán số tiền còn nợ hai bên thống nhất như sau:

- Chậm nhất đến ngày 05/3/2021, hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diện thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau khi hộ kinh doanh thanh toán đúng thời hạn nêu trên, Ngân hàng T sẽ miễn toàn bộ nợ lãi còn lại, miễn toàn bộ phí trả nợ trước hạn, chi phí định giá, các khoản phí và các chi phí khác phát sinh đến ngày tất toán (nếu có); Ngân hàng T sẽ tiến hành thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay của hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diện.

Hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diện tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số3486/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB –HTY ngày 14/5/2014 vàKhế ước nhận nợ số 3486 ngày 16/5/2014 kể từ ngày 06/02/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

- Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diện vi phạm cam kết trả nợ nêu trên thì coi như vi phạm toàn bộ nghĩa vụ, khi đó Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, cụ thể tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với Thửa đất số 128(1), tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ: thôn Yên Nội, xã L, huyện T, Thành phố H (nay là phường L, quận B, thành phố H); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 217849, do UBND huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội cấp ngày 05/9/2008 cho bà Vũ Thị T; Đăng ký

sang tên ngày 13/8/2012 cho chị Vũ Thị Hạnh L.(Kèm theo Quyết định này là hồ kỹ thuật thửa đất, do Công ty CP Khảo sát địa chính và Đo đạc bản đồ Hà Nội tiến hành đo vẽ thực tế hiện trạng tài sản bảo đảm).

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diện đối với Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diện vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

4, Về án phí: Hộ kinh doanh do Anh Nguyễn Hồng T đại diện tự nguyện chịu cả 34.424.300 đồng (Ba mươi tư triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm đồng) án phí hòa giải thành.

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 30.314.609 đồng (Ba mươi triệu, ba trăm mười bốn nghìn, sáu trăm linh chín đồng) theo biên lai số 0003883 ngày 20/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Thảo

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

3, Ông Vũ Xuân Hòa phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh

từ sau ngày 20/06/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

4, Về án phí: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và ông Vũ Xuân Hòa mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 689.465 đồng. Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005611 ngày 09/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín còn được nhận lại số tiền 1.729.535 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).